

Bản án số: 02/2021/HC - ST
Ngày: 13/5/2021
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Đức**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HC ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Huỳnh Tấn H** - sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 172 đường Nguyễn Bình Khiêm, khu phố 7, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Huỳnh Tấn H**: Ông **Võ Văn M** – sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Huỳnh Tấn H**: Bà **Hồ Thị N** – Luật sư, Văn phòng luật sư H. N – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- Người bị kiện: + Ủy ban nhân dân xã T. P

Trụ sở: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông **Dương Thế A** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.P.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. P: Ông **Dương Thế A**. Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã Tân Phước thuộc thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Phan Dương T** – Phó chủ tịch UBND xã T.P. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hoàng Thị Ngọc A** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Phước Tiến, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Ngọc A: Ông Võ Văn M – sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17.6.2019 và bản tự khai, ông Huỳnh Tấn H– người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc diện tích 7.566 m² đất do gia đình ông H khai hoang từ năm 1991, 1992, trồng cây ngắn ngày như: Khoai lang, khoai mì, dưa lấy hạt,... Đến năm 2000, do đất bạc màu canh tác trồng cây ngắn ngày không có hiệu quả nên ông H trồng cây keo lá tràm. Đến năm 2006, ông H khai thác lần đầu và trồng dặm lại một số cây keo lá tràm. Đến năm 2010, ông H khai thác lần hai, trồng thêm một số cây ăn quả và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có ai tranh chấp.

Ngày 16.12.2014, UBND xã T. P có Công văn số 164/UBND gửi cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L đề nghị xác minh lại tình hình sử dụng đất của ông H để xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất trái phép.

Ngày 22.01.2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thị xã L ban hành Công văn số 42/TNMT về việc: Ý kiến về xử phạt VPHC hành vi chiếm đất đối với ông H, cụ thể: Ngày 22.8.2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L đã mở cuộc họp lấy ý kiến của khu dân cư của UBND xã T. P về nguồn gốc sử dụng đất của ông H: “Nguồn gốc đất được các hộ dân xung quanh khu vực này canh tác từ năm 1991, do trồng không hiệu quả nên bỏ hoang; Đến năm 1995, ông H phát dọn trồng dưa lấy hạt và đến năm 1999 thì ông H chuyển qua trồng keo lá tràm. Việc trồng cây tại khu vực này được ông H trồng và khai thác nhiều lần đến khi UBND xã T. P lập biên bản xử lý”. Theo Công văn số 164/UBND của UBND xã T. P thì ông H không có quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 1995 cho đến nay, đất không có tranh chấp, không có biên bản ngăn chặn, xử lý của cấp thẩm quyền.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L đã xác định: Việc UBND xã T. P căn cứ vào hồ sơ bàn giao của UBND phường Tân An vào năm 2008 để lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi lấn chiếm đất Nhà nước quản lý là chưa đủ cơ sở...

Ngày 30.7.2015, UBND xã Tân Phước lập báo cáo số 108/BC-UBND về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của ông H tại khu 4,8 ha đất công thổ tại thôn Phước Tiến, xã T. P. Tại báo cáo này, UBND xã đã đề xuất, kiến nghị: “Căn cứ khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính Phủ. Theo các kết quả xác minh, thể hiện ông Huỳnh Tấn H có canh tác và sử dụng trên phần diện tích 7.566 m² nằm trong khu đất 4,8 ha trước ngày 01.7.2014. Do đó, UBND xã T. P kiến nghị như sau: UBND thị xã L xem xét thống nhất điều chỉnh phần diện tích 7.566 m² đất ông Huỳnh Tấn H ra khỏi diện tích 4,8 ha đất công thổ đã bàn giao UBND xã T. P quản lý. Trên cơ sở kết quả điều chỉnh, UBND xã T. P hướng dẫn hộ

ông Huỳnh Tấn H lập thủ tục đăng ký đất đai theo quy định...”

Ngày 06.4.2018, ông Huỳnh Tấn H nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đối với thửa đất có diện tích 7.566 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã T.P, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 11.7.2018, Ủy ban nhân dân xã T.P ban hành Công văn số 213/UBND về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn H, không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H với lý do là đất công do Ủy ban nhân dân xã T. P quản lý.

Ngày 05.9.2018, ông H gửi đơn khiếu nại Công văn số 213/UBND ngày 11.7.2018 của UBND xã T.P về việc không thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 09.01.2019, Chủ tịch UBND xã T. P ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Huỳnh Tấn H thường trú tại khu phố 7, phường Tân An, thị xã L:

Điều 1. Không chấp thuận đơn khiếu nại của ông Huỳnh Tấn H, thường trú khu phố 7, phường Tân An, thị xã L, khiếu nại Công văn số 213/UBND ngày 11.7.2018 về việc trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn H tại thôn Phước Tiến, xã Tân Phước, thị xã L.

Lý do: Căn cứ Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì việc khiếu nại của ông Huỳnh Tấn H không có cơ sở xem xét giải quyết, vì diện tích đất trên do UBND xã T.P quản lý theo quy định của pháp luật.

Qua những vấn đề nêu trên, cho thấy Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thị xã L và UBND xã T. P đã thừa nhận nguồn gốc diện tích 7.566m² đất do gia đình ông H khai hoang từ năm 1991, 1992; Ông H đã trồng cây lâu năm trên đất vào năm 1999, 2000. Đến năm 2008, UBND xã Tân An mới bàn giao diện tích 4,8 ha đất công cho UBND xã T.P quản lý, trong đó có diện tích đất của ông H là không phù hợp. UBND xã T. P đã thừa nhận việc này và đã có kiến nghị tách phần đất của ông H ra khỏi diện tích 4,8 ha đất công mà UBND xã quản lý. Nay lại còn dựa vào đất công mà không cấp quyền sử dụng đất cho gia đình ông H là hoàn toàn không hợp lý.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn M – đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn H yêu cầu: “Hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của Chủ tịch UBND xã T. P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Huỳnh Tấn H và buộc UBND xã T. P phải thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 7.566 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cho gia đình ông H.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T. P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. P: Ông Dương Thế A, trình bày:

Nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng diện tích đất này:

Diện tích đất này vào ngày 11.4.2008 UBND xã T. P được Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L, Văn phòng đăng ký đất đai L cùng UBND phường Tân An tiến hành đo đạc và bàn giao tại thực địa khu đất, tổng diện tích 48.806,2 m², tại thời điểm bàn giao là đất trống, giáp ranh vị trí đất này có diện tích 02 ha, thời điểm này Công đoàn phường Tân An đang trồng cây keo lá tràm chưa khai thác, sau khi khai thác cây keo lá tràm UBND xã cũng đưa diện tích đất này vào quản lý; Sau đó cho cán bộ UBND xã là ông Phan Trọng M thuê trồng mỳ từ năm 2009 – 2010 diện tích là 05 ha; Năm 2011 – 2012 cho bà Nguyễn Thị Phương T thuê trồng mỳ, diện tích 05 ha; Năm 2013 – 2014 cho bà Nguyễn Thị T công dân thường trú tại thôn Phước Tiến thuê trồng mỳ, diện tích 6,5 ha; Năm 2014 – 2015 cho ông Huỳnh Minh H công dân thường trú tại xã Tân An thuê trồng mỳ, diện tích 6,5 ha; Cùng khu vực diện tích đất ông Huỳnh Tấn H có đơn khiếu nại vào ngày 09.01.2007.

UBND xã T. P có lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn T về hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý và UBND thị xã L đã ban hành Quyết định số: 07/QĐ-XPVPHC ngày 09.01.2017 cũng trên phần diện tích đất ông Huỳnh Tấn H khiếu nại.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 46/KL-TTr ngày 12.12.2014 về công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất và Kết luận số 09/KL-TTr ngày 22.6.2015 của Thanh tra thị xã cũng đã kết luận diện tích đất này là đất do Nhà nước quản lý.

Qua đó, việc người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 15 về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Huỳnh Tấn H và buộc UBND xã T P thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Tấn H là không đúng với quy định của pháp luật đất đai. Do đó, UBND xã T P không đồng ý với nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Tấn H.

Những hồ sơ liên quan tới khu vực đất UBND xã T. P đã cung cấp cho Tòa án bản photo. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã La Gi xem xét.

Tại biên bản làm việc ngày 26.02.2021, ông Phan Dương T – Phó chủ tịch, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Ông T sẽ cung cấp thông tin, năm sinh và địa chỉ của những người dân và cán bộ thuê đất và yêu cầu Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng để làm sáng tỏ nội dung sự việc. Ngoài ra, ông T còn yêu cầu đưa ông Lê Việt T, hiện nay là Trưởng thôn Phước Tiến, xã T. P và vợ chồng ông Trần Văn Đ, nguyên Chủ tịch UBND xã Tân An trước đây vì họ có liên quan và biết rõ đến nội dung vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn M – là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Ngọc A trình bày:

Bà Hoàng Thị Ngọc A là vợ của ông Trần Văn T, hiện nay ông T đã chết. Nguồn gốc diện tích đất hiện nay ông Huỳnh Tấn H khởi kiện UBND xã T. P là do vợ chồng bà hoán đổi của ông H vào năm 2011 và sử dụng ổn định liên tục đến nay. Khi hoán đổi trên đất có 01 căn nhà tạm vách lá lợp tôn thiếc. Năm 2016 vợ chồng bà A sửa chữa lại căn nhà này và sử dụng đến nay, trước đây ông H có trồng keo lá tràm đến năm 2014 vợ chồng bà A khai thác keo để chuyển đổi cây trồng. Hiện nay, bà A trồng 4.108,3 m² cây măng cầu, số diện tích còn lại trồng cây keo lá tràm, cây gỗ xưa và căn nhà. Tổng diện tích đất bà A đang sử dụng là 7.598,9 m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Tấn H: Bà Hồ Thị

N – Luật sư, Văn phòng luật sư H. N, trình bày quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện như sau:

Về hình thức văn bản:

UBND xã T. P và Chủ tịch UBND xã T.P đã vi phạm trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu, cụ thể:

Vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu: Ông H gửi đơn ngày 31.10.2018 đến ngày 09.01.2019 UBND xã T. P mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Luật quy định không quá 30 ngày, nhưng quá 60 ngày mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Vi phạm về tổ chức đối thoại: Đơn khiếu nại của ông H ngày 31.10.2018, nhưng biên bản đối thoại thể hiện ngày 30.12.2017. Như vậy, UBND xã và Chủ tịch không tổ chức đối thoại mà dùng biên bản đối thoại từ năm 2017 để thụ lý giải quyết cho năm 2018 và đến năm 2019 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Về nội dung Quyết định: Về nguồn gốc diện tích 7.566 m² đất do gia đình ông H khai hoang từ năm 1991, 1992 là đúng sự thật khách quan, thể hiện: Tại biên bản ngày 22.8.2014 của UBND xã T. P lấy ý kiến khu dân cư tại thôn Phước Tiến, xã T. P về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của ông H; Tại biên bản làm việc ngày 17.3.2015 của UBND xã T. P về việc kiểm tra xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông H; Tại Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 30.7.2015 UBND xã T. P gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của ông H tại khu 4,8 ha.

Tại Quyết định số 15 ngày 09.01.2019 của UBND xã T. P kết luận: Diện tích đất ông H hiện nay đang khiếu nại là đất công thổ do Nhà nước quản lý. Một phần đất nằm trong khu 4,8 ha, căn cứ hồ sơ bàn giao và được UBND phường Tân An phối hợp với các ban ngành thị xã bàn giao cho UBND xã T. P quản lý vào ngày 11.4.2008; Ngày 15.8.2007, ông H đã có đơn xin cấp giấy CNQSD đất, có trước khi UBND xã T.P nhận bàn giao đất ngày 11.4.2008; Trên đất của ông H trồng keo trầm từ năm 1995; Căn cứ Công văn số 42/TNMT ngày 22.01.2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L; Căn cứ Điều 36 Nghị định 43 ngày 15.5.2014 của Chính phủ thì diện tích 7.566 m² đất trồng cây lâu năm tại thôn Phước Tiến, xã T. P của ông Huỳnh Tấn H đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những vấn đề nêu trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn H: Hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của UBND và Chủ tịch xã T. P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông H và hủy văn bản có liên quan Công văn số 213/UBND ngày 11.7.2018 của UBND xã T. P. Đồng thời, kiến nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 7.598,9 m² đất trồng cây lâu năm tại thôn Phước Tiến, xã T. P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cho ông Huỳnh Tấn H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết:

Tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ đã quy định cụ thể, UBND xã T.P có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất có tranh chấp không và thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai biết, sau đó niêm yết kết quả kiểm tra hồ sơ, nhưng UBND xã T. P không thực hiện. Như vậy, UBND xã T.P không thực hiện đúng về thủ tục hành chính, không gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai mà trả lời cho ông Huỳnh Tấn H theo nội dung của Văn bản số 213 là vi phạm quy định tại Điều 70 Nghị định 43. Cho nên Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của Chủ tịch UBND xã T. P không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của Chủ tịch UBND xã T. P. Riêng đối với yêu cầu buộc người bị kiện phải thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 7.598,9 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã T. P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cho gia đình ông H là thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Chủ tịch UBND xã T. P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và các chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo đạc để hoàn trả lại cho ông Huỳnh Tấn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người khởi kiện, người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của Chủ tịch UBND xã T.P; Yêu cầu UBND xã T. P phải thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 7.566 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã T. P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cho gia đình ông H, đây là việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính, yêu cầu của người khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[3] Về pháp luật áp dụng:

Người khởi kiện không đồng ý việc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Văn bản số 213/UBND ngày 11.7.2018; Quyết định giải

quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND nên yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. P, thị xã L (Quyết định 15) và yêu cầu yêu cầu UBND xã T.P phải thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 7.566 m² đất trồng cây lâu năm. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Luật tổ tụng hành chính, Luật đất đai, các Luật và Văn bản hướng dẫn có liên quan để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của người khởi kiện:

- Về nguồn gốc đất: Theo lời khai của người bị kiện thừa nhận: Diện tích đất này vào ngày 11.4.2008 UBND xã T. P được Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L, Văn phòng đăng ký đất đai L cùng UBND phường Tân An tiến hành đo đạc và bàn giao tại thực địa khu đất, tổng diện tích 48.806,2 m², tại thời điểm bàn giao là đất trống, giáp ranh vị trí đất này có diện tích 2 ha, thời điểm này Công đoàn phường Tân An đang trồng cây keo lá tràm chưa khai thác, sau khi khai thác cây keo lá tràm UBND xã cũng đưa diện tích đất này vào quản lý; Sau đó cho cán bộ UBND xã là ông Phan Trọng M thuê trồng mỳ từ năm 2009 – 2010 diện tích là 5 ha, năm 2011 – 2012 cho bà Nguyễn Thị Phương T thuê trồng mỳ, diện tích 5 ha, năm 2013 – 2014 cho bà Nguyễn Thị T công dân thường trú tại thôn Phước Tiến thuê trồng mỳ, diện tích 6,5 ha; Năm 2014 – 2015 cho ông Huỳnh Minh H công dân thường trú tại xã Tân An thuê trồng mỳ, diện tích 6,5 ha; Cùng khu vực diện tích đất ông Huỳnh Tấn H có đơn khiếu nại vào ngày 09.01.2007.

UBND xã T.P có lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn T về hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý và UBND thị xã L đã ban hành Quyết định số: 07/QĐ-XPVPHC ngày 09.01.2017 cũng trên phần diện tích đất ông Huỳnh Tấn H khiếu nại. Ngoài ra, theo Kết luận thanh tra số 46/KL-TTr ngày 12.12.2014 về công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất và Kết luận số 09/KL-TTr ngày 22.6.2015 của Thanh tra thị xã cũng đã kết luận diện tích đất này là đất do Nhà nước quản lý. Điều đó chứng tỏ ông Huỳnh Tấn H có canh tác trên đất, năm 2011 đã hoán đổi đất cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Ngọc A để canh tác, nhưng các tài liệu mà UBND xã T. P giao nộp cho Tòa án chỉ là bản phô tô không có giá trị về mặt pháp lý. Tòa án có yêu cầu UBND xã T. P cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan và họ tên địa chỉ của những người dân, cán bộ thuê đất nhưng UBND xã T. P không cung cấp tài liệu gì cho Tòa án để làm căn cứ giải quyết hay chứng minh hành vi vi phạm của người trực tiếp sử dụng đất.

Ngày 04.6.2020, Tòa án nhân dân thị xã L tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất mà ông H yêu cầu và mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai L cung cấp, kết quả thể hiện: Hiện trạng diện tích đất mà ông H làm thủ tục yêu cầu UBND xã T.P nhận hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo đạc là 7.598,9 m², trong đó: Diện tích đất trồng cây mãng cầu là 4.108, 3 m² do vợ chồng bà A trồng vào năm 2016; 95 cây keo lá tràm lớn do ông H trồng vào năm 2010; 33 cây gỗ xưa do vợ chồng bà A trồng vào năm 2014; 01 giếng khoan sâu

24 m do vợ chồng bà A khoan vào năm 2016; 01 nhà tạm có kết cấu: nhà tạm vách tôn, mái lợp tôn nền lát gạch ceramic, diện tích 46,7 m² do vợ chồng bà A sửa lại năm 2016, mái hiên có diện tích 14,8 m²; Diện tích đất 7.598,9 m² có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất UBND xã T. P quản lý, phía Tây giáp đất UBND xã T. P quản lý, phía Nam giáp đường kinh tế mới, phía Bắc giáp đất ông Tống Đình H; Bao quanh diện tích đất là hàng rào kẽm gai, 88 trụ bê tông cao 1,7 m do vợ chồng bà A rào vào năm 2016. Ông H khai rằng ông khai hoang và sử dụng diện tích đất này từ năm 1991 đến nay. Căn cứ vào Công văn số 42/TNMT ngày 22.01.2015 (do người bị kiện cung cấp) thể hiện về nguồn gốc sử dụng đất của ông H vào năm 1995 cho đến nay, đất không có tranh chấp, không có biên bản ngăn chặn, xử lý của cấp có thẩm quyền.

- Về việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. P:

+ Về hình thức, chủ thể ban hành: Phù hợp quy định pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu: Ông Huỳnh Tấn H gửi đơn ngày 31.10.2018, đến ngày 09.01.2019 UBND xã T. P mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, căn cứ vào Điều 28 của Luật khiếu nại ngày 11.11.2011 quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Như vậy, đã quá 60 ngày UBND xã T. P mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu.

+ Về tổ chức đối thoại: Đơn khiếu nại của ông Hồng ngày 31.10.2018, nhưng biên bản đối thoại thể hiện ngày 30.12.2017. Như vậy, UBND xã T. P và Chủ tịch xã không tổ chức đối thoại mà dùng biên bản đối thoại từ năm 2017 để thụ lý giải quyết cho năm 2018 và đến năm 2019 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là vi phạm về tổ chức đối thoại.

+ Về nội dung:

Tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ có quy định về căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định như sau: *“4. Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”.*

Trong trường hợp ông H có đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43. Do vậy, theo quy định trên thì UBND xã T. P phải thu thập ý kiến của

những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất.

Tại biên bản ngày 22.8.2014, UBND xã T.P lấy ý kiến khu dân cư tại thôn Phước Tiến, xã T. P về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn H:

Ý kiến của ông Nguyễn Đăng H, ông Trần D, ông Nguyễn Đăng T, ông Lê Việt T xác nhận: “Nguồn gốc đất được các hộ dân xung quanh khu vực này canh tác từ năm 1991, 1992, do trồng không hiệu quả nên bỏ hoang; Đến năm 1995, ông H phát dọn trồng dừa lấy hạt và đến năm 1999 thì ông H chuyển qua trồng keo lá tràm. Việc trồng cây tại khu vực này được ông H trồng và khai thác nhiều lần đến khi UBND xã T. P lập biên bản xử lý”. Như vậy, từ năm 1995 ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay và việc UBND xã T. P trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông H tại Văn bản số 213/UBND ngày 11.7.2018 là vi phạm quy định này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập UBND xã T. P, yêu cầu cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên, UBND xã T. P không cung cấp được bất cứ tài liệu nào để chứng minh cho nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019. Việc UBND xã T. P cho rằng diện tích đất mà ông H yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất do Nhà nước quản lý là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ đã quy định cụ thể, UBND xã T. P có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất có tranh chấp không và thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai biết, sau đó niêm yết kết quả kiểm tra hồ sơ, nhưng UBND xã T.P không thực hiện. Như vậy, UBND xã T. P không thực hiện đúng về thủ tục hành chính, không gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai mà trả lời cho ông Huỳnh Tấn H theo nội dung của Văn bản số 213 là vi phạm quy định tại Điều 70 Nghị định 43. Cho nên Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của Chủ tịch UBND xã T. P không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 của Chủ tịch UBND xã T. P và hủy văn bản có liên quan Công văn số 213/UBND ngày 11.7.2018 của UBND xã T. P về việc trả lời đơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn H. Riêng đối với yêu cầu buộc người bị kiện phải thụ lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 7.598,9 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã T. P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cho gia đình ông H là thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét giải quyết, nhưng Ủy ban nhân dân xã T. P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho ông Huỳnh Tấn H.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng: Chủ tịch UBND xã T. P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và các chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo đạc để hoàn trả lại cho ông Huỳnh Tấn H.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, Điều 31, Điều 78, Điều 157, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 211, Điều 213, Điều 348 và Điều 358 Bộ luật tố tụng hành chính;

- Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 20, 21, 70 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn H.

Tuyên: Hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số: 15/QĐ-UBND ngày 09.01.2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Huỳnh Tấn H.

Hủy bỏ văn bản số 213/UBND ngày 11/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận về việc trả lời đơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn H.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho ông Huỳnh Tấn H.

2. Án phí và lệ phí:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn H số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022425 ngày 09.8.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. P phải chịu 1.200.000 đồng tiền chi phí thẩm định và chi phí đo đạc là 2.530.000 đồng, tổng cộng 3.730.000 đồng để hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn H.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13.5.2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- UBND thị xã L;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Căn cứ vào các Điều 30, 31, khoản 2 Điều 79, 157, 158, 348,193 Luật tổ tụng hành chính, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20, 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

***Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Nữ

Tuyên: Hủy bỏ văn bản số 355/UBND ngày 27/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phước thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận về việc trả lời đơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Nữ.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho bà Lê Thị Nữ.

Về án phí: Ủy ban nhân dân xã Tân Phước thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận phải chịu 300.000 án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện KSND thị xã Lagi
- Chi CTHADS thị xã Lagi
- UBND thị xã Lagi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ LIỄU

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn